

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỀN NHÀN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỀN NHÀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUYEN NHAN INVESTMENT  
CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HUYEN NHAN CONSTRUCTION

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301263574

**3. Ngày thành lập:** 31/10/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu phố Tư Thế, Phường Trí Quả, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0343585168

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung,<br>+ Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4390        |
| 5.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4101        |
| 6.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4102        |
| 7.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4211        |
| 8.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4212        |
| 9.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4221        |
| 10. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4222(Chính) |
| 11. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4223        |
| 12. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4229        |
| 13. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4291        |
| 14. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4292        |
| 15. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4293        |
| 16. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4299        |
| 17. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4311        |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Trừ hoạt động nổ mìn                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4312        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN THỊ NHÀN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 03/08/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027177021780

Ngày cấp: 17/09/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Khu phố Tư Thế, Phường Trí Quả, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Tư Thế, Phường Trí Quả, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ NHÀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/08/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027177021780

Ngày cấp: 17/09/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Khu phố Tư Thế, Phường Trí Quả, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố Tư Thế, Phường Trí Quả, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh